

Số: 19/QĐ-UBND

Nam Đông, ngày 09 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số  
các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính  
phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định  
hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về  
việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số các cấp của tỉnh Thừa  
Thiên Huế;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Văn hoá – Thông tin huyện.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng  
chuyển đổi số các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện (Có tiêu chí đánh giá,  
xếp hạng kèm theo)”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các  
Quyết định về xếp hạng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc  
UBND huyện trước đây.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng phòng Văn hoá  
và Thông tin huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện;  
Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm  
thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Quốc Phụng**

**QUY ĐỊNH**  
**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
**CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBND HUYỆN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND  
ngày /01/2024 của UBND huyện)

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng đánh giá**

- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện.
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện.

**2. Mục tiêu và yêu cầu**

**a) Mục tiêu:**

- Nhằm theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số hàng năm của các đơn vị cấp huyện, cấp xã.
- Giúp UBND huyện, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của huyện, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị kịp thời nắm tình hình để chỉ đạo, đôn đốc, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

**b) Yêu cầu:**

- Bám sát nội dung chương trình chuyển đổi số của tỉnh/huyện và Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia.
- Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của huyện và đánh giá thực chất, khách quan kết quả triển khai chuyển đổi số hàng năm của các cơ quan, đơn vị.
- Có tính nhất quán về chu kỳ đánh giá và dữ liệu, số liệu để phục vụ đánh giá; tăng cường thu thập dữ liệu sẵn có từ các nền tảng do cơ quan nhà nước quản lý để phục vụ đánh giá.
- Có tính mở và được cập nhật, phát triển phù hợp với thực tiễn.
- Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, cập nhật liên tục về kết quả triển khai chuyển đổi số của các sở ban ngành, địa phương trên địa bàn huyện. Sử dụng hệ thống phần mềm báo cáo hỗ trợ thu thập và tính toán DTI để phục vụ cho việc tính toán, cập nhật DTI.
- Đáp ứng tính thực tiễn, khả thi trong áp dụng, triển khai.

## **II. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ**

### **1. Phương pháp và trình tự đánh giá**

#### **a) Đơn vị chủ trì Bộ chỉ số đánh giá DTI**

- Phòng Văn hóa và Thông tin huyện.

#### **b) Các cơ quan, đơn vị báo cáo số liệu**

- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện.

- Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện.

### **2. Xác định điểm đánh giá**

- Xếp hạng các đơn vị theo thứ tự từ cao đến thấp. Cụ thể:

- Trên 95%: Xếp hạng “Xuất sắc”.

- Từ 80% đến dưới 95%: Xếp hạng “Tốt”.

- Từ 70% đến dưới 80%: Xếp hạng “Khá”.

- Từ 50% đến dưới 70%: Xếp hạng “Trung bình”.

- Dưới 50%: Xếp hạng “Yếu kém”.

### **3. Tiêu chí đánh giá**

Có Phụ lục kèm theo Quyết định này.

## **III. THỜI GIAN ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG BỐ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

### **1. Thời gian đánh giá**

- Định kỳ hàng năm, các đơn vị thực hiện cung cấp, báo cáo số liệu phục vụ đánh giá theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện. Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, thẩm định số liệu; tổng hợp, đánh giá, xếp hạng; trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả trong tháng 12 hàng năm.

- Niên hạn lấy số liệu: Từ 01/11 năm trước đến 01/11 của năm hiện tại.

- Thời hạn nhập số liệu, ký số: trước 11/11 của năm hiện tại.

### **2. Thực hiện đánh giá và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng**

Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện giao Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tham mưu các văn bản công bố xếp hạng hàng năm.

## **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện xây dựng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ, làm việc với Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện thẩm định trước khi trình UBND huyện phê duyệt.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí cho việc tổ chức thực hiện việc đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền số các cấp hàng năm, được dự toán chung vào kinh phí sự nghiệp của Phòng Văn

hóa và Thông tin huyện.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa và Thông tin huyện**

a) Là cơ quan chủ trì tham mưu UBND huyện thực hiện đánh giá chuyên đổi số các cấp trên địa bàn huyện.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức thực hiện việc đánh giá chuyên đổi số định kỳ hàng năm; theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện; hướng dẫn các đơn vị sử dụng chức năng Báo cáo Bộ chỉ số DTI trên ứng dụng Hue-S.

c) Tham mưu thành lập Hội đồng chấm điểm chuyên đổi số các cấp.

d) Tham mưu UBND huyện, Ban chỉ đạo chuyên đổi số huyện giải đáp, xử lý các tình huống khẩn cấp trong quá trình thực hiện

### **2. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn**

a) Chỉ đạo thực hiện khảo sát, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu báo cáo về chuyên đổi số hàng năm.

b) Phối hợp và tạo điều kiện để Phòng Văn hóa và Thông tin huyện tiến hành thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo.

c) Chịu trách nhiệm trước UBND huyện về kết quả đánh giá, xếp hạng chuyên đổi số của các ngành, địa phương.

### **3. Ban chỉ đạo chuyên đổi số huyện**

a) Giúp UBND huyện giải quyết các nội dung về chuyên đổi số trong phạm vi hoạt động của mình.

b) Báo cáo tình hình thực hiện định kỳ cho UBND huyện.

c) Tập huấn hướng dẫn tiêu chí chuyên đổi số để các đơn vị thực hiện.

### **4. Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyên đổi số**

Vận hành hệ thống công nghệ số và làm việc hoàn toàn qua môi trường mạng và đảm bảo chủ trương 4K1C; hướng dẫn và tập huấn các đơn vị thực hiện tốt tiêu chí.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

**Phụ lục**

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CHUYÊN ĐỔI SỐ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC UBND HUYỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
I	<b>NHẬN THỨC SỐ</b>					
1	Tham gia đầy đủ các phiên họp BCD CDS của tỉnh, huyện	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Thành viên BCD CDS của tỉnh tham gia các cuộc họp BCD CDS của tỉnh; Thành viên BCD CDS của cấp huyện tham gia họp BCD CDS của cấp huyện.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Số lượng cuộc họp tham gia là 4 cuộc cho 4 quý của năm đạt 2 điểm, tham gia 1 cuộc được tính 0,5 điểm</li><li>- Một số đơn vị không có lãnh đạo đơn vị là thành viên BCD CDS của tỉnh sẽ không đánh giá tiêu chí này.</li></ul>	Văn bản báo cáo thông kê có ký số từ đơn vị chủ trì tổ chức	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
2	Tham gia phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 1	2	31.3	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 1 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 1 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</p>	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện
3	Tham gia phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 2	2	30.6	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 2 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 2 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận - Hình ảnh cuộc họp</p>	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
4	Tham gia phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 3	2	30.9	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 3 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 3 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm.</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận, Hình ảnh cuộc họp</p>	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện
5	Tham gia phiên họp BCD CDS của địa phương Quý 4	2	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các địa phương tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban chỉ đạo chuyển đổi số Quý 4 hoặc lồng ghép các nội dung CDS trong các cuộc họp giao ban Quý 4 của địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tổ chức: đạt 01 điểm - Người đứng đầu đơn vị chủ trì: đạt 01 điểm.</p>	<p>- Giấy mời triệu tập các cuộc họp của Ban chỉ đạo chuyển đổi số</p> <p>- Kết luận cuộc họp - Hình ảnh cuộc họp</p>	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
6	Văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ký (mỗi năm tối thiểu 01 văn bản)	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: Các cơ quan, đơn vị ban hành các văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số của ngành</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: Chủ tịch UBND huyện ký</p>	<p>- Danh sách các văn bản được ban hành (File điện tử) - Lưu ý: File điện tử có sử dụng chữ ký số mới được xem hợp tài liệu hợp lệ</p>	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
7	Có tin, bài về chuyển đổi số cung cấp lên Cổng chuyển đổi số của tỉnh (tối thiểu 1 bài/ 1 năm)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị cung cấp thường xuyên các tin bài lên trang chuyển đổi số của tỉnh tại địa chỉ : <a href="https://dx.thuathienhue.gov.vn">https://dx.thuathienhue.gov.vn</a> , bao gồm: Tin hoạt động chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị, tin hoạt động của đơn vị, tin về kết quả của đơn vị liên quan đến hoạt động chuyển đổi số.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 1 tin bài được phê duyệt và đăng lên</p>	<p>Các đơn vị chủ động cung cấp file danh sách các tin bài đã được phê duyệt đăng lên trang chuyển đổi số của tỉnh.</p>	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện



STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
				trang chuyên đổi số của tỉnh: đạt 100% điểm; 0 tin bài: 0 điểm		
8	Có tin, bài về chuyên đổi số (tối thiểu 1 tháng 1 tin bài)	12	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Xây dựng chuyên mục “Chuyên đổi số” trên Trang/ công thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị 2. Điều kiện đảm bảo: -Cập nhật tin bài tối thiểu 1 tin bài/1 tháng đạt 100% điểm tiêu chí ( Số tin bài được chấm điểm theo tỷ lệ % quy đổi )	Căn cứ trên hệ thống để chấm điểm và không cần kiểm chứng	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
9	Có tin, bài về chuyên đổi số phát sóng trên Đài Truyền thanh cấp huyện	10	31.10	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện viết tin bài và liên hệ với Trung tâm Văn hóa và Thông tin thể thao huyện để biên tập và đăng tải tin bài.	Trung tâm Văn hóa và Thông tin thể thao huyện cung cấp	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
10	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), người lao động trong cơ quan nhà nước tiếp cận kênh truyền thông nội bộ trên Hue-S	10	31.10	100% CBCCVC truy cập kênh thông tin để nắm thông tin.	Hình ảnh, văn bản kiểm chứng	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
<b>II</b>	<b>THẺ CHẾ SỐ</b>					
11	Tham gia tập huấn chuyên đổi số do tỉnh và huyện tổ chức	10	31.10	Tham gia đầy đủ các nội dung triệu tập	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện theo dõi, xác nhận đối với kết quả báo cáo của các đơn vị	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện
12	Ban hành chính sách tỷ lệ chi Ngân sách nhà nước tối thiểu hằng năm cho chuyển đổi số của đơn vị	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Căn cứ văn bản của Tỉnh ban hành chính sách tỷ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu cho chuyển đổi số phù hợp với đơn vị. 2. Điều kiện đảm bảo: - Mức tối thiểu đảm bảo theo chính sách của tỉnh và được áp dụng trong thực tế	File điện tử ký số Quyết định	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
<b>III</b>	<b>HẠ TẦNG SỐ</b>					

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
13	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động trong cơ quan, đơn vị (gồm đơn vị trực thuộc) có sử dụng điện thoại thông minh	3	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai các giải pháp đảm bảo 100% công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị có sử dụng điện thoại thông minh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 100% nhân sự sử dụng điện thoại thông minh</li> <li>- 100% nhân sự cài đặt Hue-S theo số điện thoại sử dụng và được kích hoạt.</li> </ul>	Hình ảnh, văn bản kiểm chứng	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện
14	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có sử dụng tài khoản điện toán đám mây	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương đăng ký tài khoản điện toán đám mây của tỉnh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC đăng ký</p>	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
15	Tỉ lệ CBCCVC, người lao động có phát sinh dữ liệu trên điện toán đám mây dùng chung	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương có triển khai lưu trữ tài liệu phục vụ công vụ của từng công chức, viên chức trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có dữ liệu phát sinh lưu trữ</p>	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện đánh giá từ dữ liệu phát sinh từ Cloud tỉnh	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện
16	Nền tảng Báo cáo số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện:</p> <p>+ Các địa phương triển khai sử dụng nền tảng báo cáo số (Trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương – triển khai nền tảng dùng chung của tỉnh để các đơn vị/ doanh nghiệp trên địa bàn báo cáo lên cơ quan quản lý nhà nước địa phương-UBND cấp huyện. Báo cáo số được tích hợp trên Hue-S, trên Cổng Chuyển đổi số của tỉnh, trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Thừa Thiên Huế).</p>	Đánh giá qua thống kê từ hệ thống	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
				2. Điều kiện đảm bảo: Phát sinh và khai thác tối thiểu 5 báo cáo số		
17	Nền tảng Số hóa	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng số hóa dùng chung của tỉnh (được tích hợp trên Hue-S và trên Trang TTĐT sohoa.thuathienhue.gov.vn).</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có tối thiểu 5 đối tượng dữ liệu (bảng dữ liệu) được số hóa lên nền tảng dùng chung.</p>	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện
18	Nền tảng làm việc số	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai sử dụng nền tảng làm việc số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web)	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
				2. Điều kiện đảm bảo: - Đã đưa vào sử dụng		
19	Nền tảng Quản lý bản đồ GIS	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị và địa phương sử dụng nền tảng bản đồ số (được tích hợp trên Hue-S và trên Web). 2. Điều kiện đảm bảo: - có ít nhất một bản đồ được đưa vào sử dụng	Đánh giá thông qua thống kê từ hệ thống	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện
20	Cài địa chỉ Ipv4			Đã quy hoạch và cài lên từng máy tính cá nhân trong đơn vị	Hình ảnh, văn bản kiểm chứng	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
21	Cài địa chỉ Ipv6			Đã quy hoạch và cài lên từng máy tính cá nhân trong đơn vị	Hình ảnh, văn bản kiểm chứng	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
<b>IV</b>	<b>NHÂN LỰC SỐ</b>					

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
22	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm chuyển đổi số	10	31.10	- Các đơn vị ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách Chuyển đổi số của đơn vị - Đảm bảo chức năng, nhiệm vụ chuyên trách trong Quyết định	Quyết định file điện tử có ký số	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
23	Có Quyết định phân công chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị ban hành Quyết định phân công cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về an toàn thông tin mạng của đơn vị. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo chuyên trách trong Quyết định	Quyết định file điện tử có ký số	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
24	Có chế độ hỗ trợ kinh phí cho cán bộ phụ trách chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng	30		Quyết định ban hành chế độ được hưởng	Văn bản, hình ảnh minh chứng việc được hưởng chế độ	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
25	Tỉ lệ công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào	3	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các đơn vị triển khai theo hướng dẫn của Sở	Đánh giá qua	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
	tạo trực tuyến của Bộ TTTT (do Sở TTTT triển khai trên Hue-S)			Thông tin và Truyền thông để công chức, viên chức tham gia vào hệ thống đào tạo trực tuyến của Bộ TTTT  2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVN, NLD tham gia đào tạo khi có triển khai; Điểm được tính theo tỉ lệ.	thống kê từ hệ thống	
V	<b>AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG</b>					
26	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống mã độc tập trung của tỉnh	5	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống mã độc tập trung của tỉnh 2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí	Kiểm chứng trực tiếp từ dữ liệu tại trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC)	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện



STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
27	Tỉ lệ máy tính trong cơ quan nhà nước được cài đặt phần mềm phòng chống virus tập trung của tỉnh	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% máy tính trong cơ quan, đơn vị có triển khai cài đặt phần mềm qua nền dùng chung của tỉnh đạt 100% điểm tiêu chí</p>	Kiểm chứng trực tiếp từ dữ liệu tại IOC	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện
28	Có máy tính bị nhiễm mã độc	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị triển khai nền tảng phòng chống virus tập trung của tỉnh</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo:</p> <p>- Không có máy tính bị nhiễm mã độc hoặc nếu có thì 100% máy tính bị nhiễm nhưng đã được xử lý, loại bỏ mã độc kịp thời.</p> <p>- Nếu có 01 máy nhiễm thì trừ 2 điểm</p>	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện đánh giá qua thống kê theo dõi.	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
<b>VI</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CHÍNH QUYỀN SỞ</b>					
29	Có tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện và điều kiện đảm bảo: Tham gia vận hành DVCTT trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: có vận hành DVCTT trên Hue-S</p>	<p>Văn bản triển khai; Hình ảnh giao diện triển khai;</p> <p>Sở TT&amp;TT trực tiếp rà soát</p>	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
30	Tỉ lệ xử lý phản ánh hiện trường đúng hạn, trước hạn	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	Văn phòng HĐND và UBND huyện
31	Tỉ lệ mức độ hài lòng việc xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn</p>	Thống kê trên hệ thống	Văn phòng HĐND và UBND huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
32	Tỉ lệ trả lại phản ánh không đúng thẩm quyền, đúng thời gian	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	Văn phòng HĐND và UBND huyện
33	Tỉ lệ tương tác phản ánh của công dân có ý kiến	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	Văn phòng HĐND và UBND huyện
34	Tỉ lệ bức xúc kết quả xử lý phản ánh hiện trường	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị, địa phương xử lý phản ánh của người dân trên hệ thống hệ thống phản ánh hiện trường. 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo có chất lượng và đúng hạn	Thống kê trên hệ thống	Văn phòng HĐND và UBND huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
35	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị cài đặt Hue-S và đăng ký tài khoản trên Hue-S</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có cài đặt Hue-S và có đăng ký tài khoản</p>	Thống kê trên hệ thống	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
36	Tỉ lệ CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan, đơn vị chỉ đạo CBCCVC và người lao động trong đơn vị liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: 100% CBCCVC và người lao động có liên kết tài khoản Hue-S với tài khoản công vụ trên nền tảng số hóa dùng chung</p>	Thống kê trên hệ thống	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
37	Triển khai nền tảng làm việc số trên Hue-S	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Tỉ lệ CBCCVC và người lao động trong đơn vị tổ chức triển khai nền tảng</p>	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
				<p>làm việc số trên Hue-S (văn phòng số) tại đơn vị, địa phương</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tính tỉ lệ CBCCVC và người lao động sử dụng trên tổng điểm</p>		
38	Có triển khai tối thiểu 01 cuộc họp trực tuyến trên hệ thống của tỉnh để thực hiện tốt chủ trương 4K1C	5	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Tham mưu UBND huyện tổ chức họp trực tuyến hoặc tự tổ chức</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Tối thiểu 01 cuộc họp</p>	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
39	Có triển khai báo cáo số tại các cơ quan, đơn vị	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng báo cáo số trên Hue-S tại đơn vị, địa phương.</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Có văn bản triển khai</p>	Hình ảnh, văn bản triển khai liên quan	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
40	Tỉ lệ CBCCVC sử dụng nền tảng trợ lý ảo (khi đã triển khai)	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương tổ chức triển khai nền tảng trợ lý ảo tại đơn vị, địa phương.</p>	Thống kê trên hệ thống	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
				2. Điều kiện đảm bảo: - 100% CBCCVC sử dụng		
41	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số	5	31.10	- Thống kê tổng chi Ngân sách cho chính quyền số.	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
42	Tỷ lệ CBCCVC có thực hiện giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị thực hiện thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S. 2. Điều kiện đảm bảo: - Tỷ lệ CBCCVC có phát sinh giao dịch thanh toán các dịch vụ cơ bản trên ví điện tử trên Hue-S tỷ lệ thuận theo số điểm	Thống kê trên hệ thống	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
43	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC 2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua USB Token.	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của Trung tâm chứng thực chữ ký số quốc gia	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
44	Số lượng CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai chữ ký số đến CBCCVC</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - Đảm bảo 100% CBCCVC có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân qua SIM di động.</p>	Thống kê qua ứng dụng quản lý chữ ký số của TT chứng thực chữ ký số quốc gia	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
45	Số hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương triển khai số hóa và cấp địa chỉ số cho các hộ gia đình trên địa bàn</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% hộ gia đình được số hóa và cấp địa chỉ số</p>	Văn bản báo cáo số liệu có ký số; Sở TTTT kiểm chứng	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
46	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.	10	31.10	<p>1. Nội dung thực hiện: - Các địa phương có giải pháp tuyên truyền để người dân biết, cài đặt, sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử</p> <p>2. Điều kiện đảm bảo: - 100% người dân có điện thoại thông minh trên địa bàn có hồ sơ sức khỏe điện tử.</p>	Văn bản báo cáo số liệu có ký số	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện

STT	Chỉ số/ Chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Thời gian hoàn thành	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu kiểm chứng	Đơn vị giám sát, thực hiện
47	Số lượng vấn đề lấy ý kiến người dân	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: - Tối đa 1 ý kiến/ năm, mỗi ý kiến 1 điểm; 0 ý kiến thì 0 điểm	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
48	Tỉ lệ trả lời hỏi đáp trên Cổng/ Trang TTĐT	10	31.10	1. Nội dung thực hiện: - Các cơ quan đơn vị triển khai lấy tối thiểu 01 ý kiến người dân các vấn đề quan trọng liên quan trong công tác quản lý của đơn vị; 2. Điều kiện đảm bảo: 100% các câu hỏi được trả lời	Văn bản báo cáo, hình ảnh liên quan	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện
49	Kiểm chứng khoa học, bài bản			- Đặt tên File theo tên thứ tự của tiêu chí. - Gửi kiểm chứng và ký số đúng thời gian quy định	Gửi qua Phần mềm HSCV hoặc trực tiếp cho cán bộ chuyên trách CDS huyện	Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện